Mẫu số 3.1. Tổng hợp kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Cơ quan/đơn vị báo cáo:	UBND xã Kỳ Văn	**Báo cáo:** [2]	09/11/2026
Cơ quan/đơn vị nhận báo cáo:		**Kỳ báo cáo:** [3]	01/2027
		Ngày báo cáo: [4]	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO VÀ HỘ THOÁT NGHÈO [5]

(Kèm theo công văn số……/UBND-KT ngày /11/2026)

TT	Thôn/Tổ dân phố	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát					
				Tổng số hộ nghèo		Tổng số hộ cận nghèo		Tổng số hộ thoát nghèo	
		Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ	Số hộ	Tỷ lệ
A	**B**	**1**	**2**	**3**	**4=(3/1) x 100**	**5**	**6=(5/1) x 100**	**7**	**8=(7/1) x 100**
	Đơn vị tính	*Hộ*	*Người*	*Hộ*	*%*	*Hộ*	*%*	*Hộ*	*%*
1	Thôn Đất Đỏ	462	1416	2	0,43	9	1,95	2	0,43
2	Thôn Xuân Sơn	450	1547	12	2,67	34	7,56	0	0,00
3	Thôn Đồng Văn	396	1231	11	2,78	19	4,80	0	0,00
4	Thôn Văn Lạc	436	1348	13	2,98	12	2,75	1	0,23
5	Thôn Văn Sơn	460	1418	7	1,52	38	8,26	2	0,43
6	Thôn Văn Thanh	502	1459	19	3,78	36	7,17	5	1,00
7	Thôn Văn Mỹ	501	1572	23	4,59	40	7,98	4	0,80
8	Thôn Trung Xuân	442	1388	7	1,58	33	7,47	2	0,45
9	Thôn Tây Xuân	352	1030	11	3,13	27	7,67	2	0,57
10	Thôn Hồng Xuân	352	902	17	4,83	17	4,83	2	0,57
11	Thôn Trường Xuân	344	895	12	3,49	20	5,81	1	0,29
12	Thôn Nam Xuân	300	951	7	2,33	8	2,67	0	0,00
	Tổng cộng	**4.997**	**15.157**	**141**	**2,82**	**293**	**5,86**	**21**	**0,42**

3,42	**4,24**
2,82	5,84
-0,60	1,60